

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-8-2020.

V/v : Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn nhân

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Hữu Hiền.

2. Ông Trần Văn Phơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thúy Q**, sinh năm 19xx (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, đường Q, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường Q, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số B, đường X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thúy Q và ông Trần Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/7/2015. Kể từ thời gian 02 năm trở lại đây cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Ông D thường xuyên đi về muộn, có nhiều lúc ba bốn ngày không về nhà mà cũng không liên lạc, không quan tâm đến con cái, không hỗ trợ kinh tế nuôi con, ngoài ra ông D còn cờ bạc. Ngày 07/6/2019 bà Q nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ông D đã viết cam kết không tái phạm, nhưng tất cả vẫn không thay đổi. Ngoài ra, bà Q cũng cho ông D rất nhiều cơ hội nhưng ông D vẫn không sửa đổi. Từ đó, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không thực hiện được mục đích hôn nhân. Vì vậy, bà Q làm đơn này mong Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Q và ông D có một người con chung tên Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 hiện đang sống chung với bà Q tại ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung tên Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 cho đến khi cháu Kh đủ tuổi trưởng thành .

+ Về cấp dưỡng: Bà Q yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Kh mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D thống nhất với bà Q về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà bà Q trình bày là đúng. Tuy nhiên ông D không muốn ly hôn vì ông D còn thương vợ con, ông D yêu cầu bà Q cho ông D thời gian để sửa chữa lỗi lầm để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống có một người con chung tên Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 hiện đang sống chung với bà Q tại ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông D và bà Q được ly hôn thì ông D đồng ý giao cháu Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 cho bà Q được tiếp tục

trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và ông Trần Văn D đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Kh mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thúy Q và Trần Văn D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo bà Q kể từ thời gian 02 năm trở lại đây cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông D thường xuyên đi về muộn, có nhiều lúc ba bốn ngày không về nhà mà cũng không liên lạc, không quan tâm đến con cái, không hỗ trợ kinh tế nuôi con, có lần còn đánh bà Q. Bà Q đã cho cơ hội sửa đổi nhưng ông D vẫn không thay đổi. Ông D đã viết cam kết không tái phạm, nhưng tất cả vẫn không thay đổi. Cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không thực hiện được mục đích hôn nhân. Vì vậy, bà Q làm đơn này mong Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông D. Tại phiên tòa, ông D cũng thống nhất lời trình bày của bà Q về nguyên nhân mâu thuẫn là đúng, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nhưng không đồng ý ly hôn vì muốn xin thêm thời gian để hàn gắn nhưng trường hợp Hội đồng xét xử xét thấy cho ly hôn thì ông D cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q cho bà Q được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Hồ Thị Thúy Q và ông Trần Văn D có một người con chung tên Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 hiện đang sống chung với bà Q tại ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn bà Q có nguyện vọng được nuôi cháu Kh và ông D cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu Kh sống chung với bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Kh hiện nay đang sống chung với bà Q, cuộc sống của cháu đang

ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của cháu và tiện cho việc bà Q đưa rước cháu đi học, tiện cho việc bà Q chăm sóc cháu Kh. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cháu Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q yêu cầu ông D cấp dưỡng cho cháu Kh mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi ông Duẩn cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hồ Thị Thúy Q phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thúy Q với ông Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 cho bà Hồ Thị Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn D cấp dưỡng cho cháu Kh mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20/8/2020.

Ông Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Trần Đức Kh (nam), sinh ngày 06/11/2016 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Hồ Thị Thúy Q và ông Trần Văn D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hồ Thị Thúy Q và ông Trần Văn D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Hồ Thị Thúy Q phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009507 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Q đã nộp xong án phí. Về án phí cấp dưỡng ông Trần Văn D phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường Z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan